TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 416/2017/QĐST-HNGĐ	*Thuỷ Nguyên, ngày 05 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 413/2017/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017, giữa:

Anh S (Tên gọi khác X), sinh năm 1971; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và chị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh S (Tên gọi khác X) và chị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S (Tên gọi khác X) và chị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh S (Tên gọi khác X) và chị T thống nhất có hai con chung tên H sinh ngày 15 tháng 01 năm 1995 và M sinh ngày 01 tháng 9 năm 2002, con chung tên H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết ai là người trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh S (Tên gọi khác X) trực tiếp nuôi con chung tên M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S (Tên gọi khác X) và chị T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh S (Tên gọi khác X) và chị T thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh S (Tên gọi khác X) nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001054 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh S (Tên gọi khác X) được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- UBND xã H, T, Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vân